TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN THÀNH** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ- ST
Ngày: 26/7/2019.
V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN THÀNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có.

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Sơn; Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

Thư ký phiên toà: Ông Bùi Văn Tuyên- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành.

Đại diện VKSND huyện Thuận Thành tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Đình Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuận Thành mở phiên toà công khai để xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 02/2019/TLST - HNGĐ, ngày 07 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐST- DS ngày 28 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1970. (Có mặt)
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Th, tỉnh B.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1972. (Có mặt)
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Th, tỉnh B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1955. (Có mặt)
- Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1958. (Có mặt)
- Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1961. (Vắng mặt)
- Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1964. (Có mặt)
- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968. (Có mặt)

Tất cả các đương sự đều trú tại địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Th, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của các đương sự tại Toà án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Nguyễn Văn V và chị Nguyễn Thị Th kết hôn ngày 10/01/1991, trước khi kết hôn anh chị có được tự do tìm hiểu và đăng ký tại UBND xã Đ, huyện Th, tỉnh B. Sau khi kết hôn chị Th về chung sống cùng gia đình anh V ngay.

Theo như anh V trình bày: Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 24 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong

cuộc sống nên thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Anh và chị Th đã sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay và không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm giữa anh và chị Th không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Thao.

Về con chung: Anh và chị Th có 03 con chung là Nguyễn Văn H, sinh năm 1992; Nguyễn Thị Th1 sinh năm 1996 và Nguyễn Thị Kim O sinh năm 2003. Hiện nay cháu H và cháu Th1 đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Đối với cháu O, hiện nay vẫn đang ở với anh, nếu vợ chồng ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cho anh chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị Th có tài sản chung là 01 ngôi nhà 2,5 tầng, chuồng lợn, 02 gian nhà ngang, sân, vườn, bể phốt, chuồng lợn xây dựng trên thửa đất có diện tích 742m^2 của bố anh (ông Nguyễn Văn Ch) và một số tài sản gồm: tivi, máy giặt, bàn ghế trong gia đình mà Tòa án đã định giá theo biên bản định giá có tổng giá trị là 3.154.864.900đồng, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Đối với thửa đất có diện tích 720m^2 là của bố anh. Hiện nay thửa đất này vẫn mang tên bố anh (ông Nguyễn Văn Ch tại Thôn Đ, xã Đ, huyện Th, tỉnh B). Anh xác định đây là tài sản của bố mẹ anh chứ không phải của vợ chồng do vậy anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về ruộng canh tác và công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Th xác nhận lời trình bày của anh V về thời gian kết hôn và con chung là đúng. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh V ngay. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 27- 28 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh V có quan hệ với nhiều người phụ nữ khác nên thường xuyên vắng nhà, không quan tâm gì đến mẹ con chị nhưng chị vẫn chịu đựng ở nhà chăm sóc bố mẹ chồng và nuôi dạy các con khôn lớn trưởng thành. Chị đã gần 30 năm sống chung cùng gia đình anh V và chăm sóc bố mẹ chồng, bố chồng chị bị liệt từ năm 2003 đến năm 2008 thì mất, mẹ chồng chị già yếu cũng nằm liệt không đi lại được từ năm 2011 đến 2017 thì mất, chị đã đứng ra chăm sóc, phụng dưỡng, làm tròn trách nhiệm của con cái.

Nay anh V làm đơn ly hôn chị, chị không đồng ý vì chị đã gần 30 năm chung sống với anh V và gia đình nhà chồng. Đến nay chị đã có tuổi, sức khỏe yếu, nhiều bệnh tật. Mặc dù chị thừa nhận trong cuộc sống bản thân chị cũng có thiếu sót nhưng chị sẽ sửa đổi và rút kinh nghiệm. Do vậy chị tha thiết đề nghị anh V suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ và chăm sóc con cháu.

Về con chung: Chị và anh V có ba con chung như anh V trình bày là đúng. Do chị không đồng ý ly hôn với anh V nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Chị xác nhận chị và anh V có tài sản chung như anh V trình bày là đúng. Ngoài ra từ khi kết hôn với anh V chị đã có công sức đổ đất, lấp ao, tôn tạo sân vườn nhưng chị không đồng ý ly hôn với anh V nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Về công nợ, ruộng canh tác: Chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành.

Tại phiên toà hôm nay anh V vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với chị Th và được nuôi con chung sau khi ly hôn Về tài sản chung, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật Phía chị Th không đồng ý ly hôn với anh V, chị đề nghị anh V suy nghĩ lại để cho chị quay về chung sống cùng anh V và các con

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Ng có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên trong quá trình làm việc tại tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị T đều thống nhất trình bày: Các bà là chị ruột của anh Nguyễn Văn V. Đối với thửa đất có diện tích 742m^2 tại thôn Đ, xã Đ, huyện Th mà vợ chồng anh V hiện nay vẫn mang tên ông Nguyễn Văn Ch (là bố đẻ của các bà và anh V). Nếu vợ chồng anh V, chị Th ly hôn và yêu cầu Tòa án phân chia thửa đất này thì các bà không đồng ý vì đây là tài sản của bố mẹ các bà để lại. Sau khi bố mẹ các bà mất đều không để lại di chúc và anh chị các bà cũng chưa thống nhất phân chia tài sản này. Các bà chỉ đồng ý để cho vợ chồng anh V, chị Th ở. Đối với tài sản trên đất các bà đều xác nhận là do vợ chồng anh V, chị Th xây dựng.

Tại phiên toà hôm nay Kiểm sát viên phát biểu và kết luận về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, các đương sự là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn V đối với chị Nguyễn Thị Th

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn V phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh V không phải chịu án phí chia tài sản.

3. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Anh Nguyễn Văn V phải chịu tiền xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Sau khi nghe ý kiến đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

Anh Nguyễn Văn V và chị Nguyễn Thị Th kết hôn ngày 10/01/1991, trước khi kết hôn anh chị có được tự do tìm hiểu và đăng ký tại UBND xã Đ, huyện Th, tỉnh B, xét thấy đây là hôn nhân hợp pháp vì tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về kết hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn V, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn giữa anh V và chị Th là có thật và nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không tin

tưởng nhau dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Theo như chị Th trình bày là do anh V có quan hệ với nhiều người phụ nữ khác nên về ruồng rẫy mẹ con chị . Phía anh V trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, phía chị Th cũng như phía gia đình anh V, các con của anh V, chị Th cũng như phía địa phương và Hội phụ nữ các cấp đều đề nghị Toà án hoà giải để vợ chồng anh V, chị Th đoàn tụ. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn giữa anh V và chị Th là có thật tuy nhiên sau khi kết hôn anh V, chị Th đã sống hoà thuận, hạnh phúc một thời gian dài khoảng hơn 20 năm. Trong thời gian dài chị Th đã có nhiều công sức đối với gia đình, chăm sóc bố mẹ chồng già yếu nhiều năm, nuôi dạy con cái trưởng thành. Đến nay chị Th đã nhiều tuổi, thường xuyên đau ốm nên cần một cuộc sống ổn định và sự chăm sóc của con cái . Hơn nữa tại phiên tòa hôm nay chị Th cam kết sẽ rút kinh nghiệm trong cách ứng xử với anh V, chị tha thiết đề nghị anh V và Tòa án cho chị thêm thời gian chị sẽ có biện pháp cải thiện quan hệ vợ chồng để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy, chăm sóc con cháu. Do vậy HĐXX xét thấy ra mâu thuẫn giữa anh V và chị Th chưa đến mức phải ly hôn nên không chấp nhậnyêu cầu xin ly hôn của anh Viện.

Do Toà án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh V nên vấn đề con chung, tài sản chung và công nợ không đặt ra xem xét giải quyết.

Về chi phí xem xét thẩm định , định giá tài sản: Anh V phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản.

Về án phí: Anh V phải chịutiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn V đối với chị Nguyễn Thị Th không được chấp nhận nên Tòa án không giải quyết về tài sản do vậy anh Nguyễn Văn V không phải chịu tiền án phí chia tài sản chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn V đối với chị Nguyễn Thị Th

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn V phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. (Xác nhận anh V đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/ 01497 ngày 07/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Thành).

Hoàn trả anh Nguyễn Văn V số tiền 2.500.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/ 0003019 ngày 28/ 01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Thành.

3. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Anh Nguyễn Văn V phải chịu 2.000.000đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và 2.000.000đồng chi phí định giá tài sản. Xác nhận anh V đã nộp đủ số tiền này.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Thuận Thành;
- THADS huyện Thuận Thành;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thu

N¬i nhËn:
- *TAND tØnh B¾c Ninh;*
- *VKSND TP B¾c Ninh;*
- *THADS TP B¾c Ninh;*
- *C¸c ®-¬ng sù.*
- *L-u hå s¬.*

TM. Héi ®ång xÐt xö
ThÈm ph¸n - Chñ to¹ phi¸n toµ